

Bản án số:28/2019/DS-ST

Ngày: 29/11/2019

V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Châm Thị Vân Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Dũng

2. Bà Dương Thị Hồng

- Thư ký phiên toà:Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Bích Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Phú Bình, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 13/2019/TLST-DS ngày 28/3/2019 về việc kiện “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXX-ST ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

3. *Người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Minh Th, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: xóm H, xã Th, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: xóm T, xã Đ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Dương Văn T, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: xóm T, xã Đ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị S đã nhiều lần hỏi chị vay

tiền. Ngày 10/01/2018 chị mang tiền đến nhà bà S để cho bà S vay tổng số tiền là 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), lúc giao tiền có chị, anh Th và bà S ngoài ra không có ai khác. Khi giao tiền có viết giấy vay tiền, bà S là người trực tiếp viết và ký vào giấy vay tiền, hẹn đến ngày 15/02/2018 bà S có trách nhiệm trả cho chị toàn bộ số tiền trên, không thỏa thuận về lãi. Ngoài ra còn thỏa thuận nếu không trả được tiền thì bà S sẽ chuyển cho chị 300m2 đất ở. Tuy nhiên đến hạn bà S không trả được.

Ngày 15/3/2018 bà S và chị đã có biên bản thỏa thuận mỗi tháng bà S có trách nhiệm trả cho chị 4.000.000đ/tháng cho đến khi hết nợ. Biên bản thỏa thuận ngày 15/3/2018 do bà S là người trực tiếp viết và ký biên bản có người làm chứng ký xác nhận là ông T (trưởng xóm), ông H (anh trai bà S).

Sau khi có biên bản thỏa thuận thì bà S có trả cho chị được nhiều lần, nhưng bà S trả không đúng thời gian cũng như số tiền như đã thỏa thuận. Đến nay tổng số tiền bà S đã trả cho chị là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng chẵn), còn nợ lại 394.000.000đ (Ba trăm chín mươi tư triệu đồng chẵn). Do bà S không trả đúng số tiền và thời gian như đã thỏa thuận nên chị khởi kiện yêu cầu bà S phải trả cho chị toàn bộ số tiền gốc còn nợ.

Tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu bà S phải trả cho chị tổng số tiền nợ gốc là 394.000.000đ (Ba trăm chín mươi tư triệu đồng chẵn).

Về lãi suất: Chị H không yêu cầu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà xác định chị H trình bày không đúng sự thật, bà không vay tiền của chị H, mà đó là số tiền chơi đề, chị H là chủ đề, bà là người chơi đề. Ngày 10/11/2017 chị H ép bà viết giấy vay tiền tổng số tiền 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), khi viết giấy vay tiền có bà, chị H, anh Th, bà là người viết giấy vay tiền và ký nhận vào giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền có thỏa thuận đến ngày 15/02/2018 phải trả cho chị H, nếu không trả được tiền thì chuyển cho chị H 300m2 đất ở. Toàn bộ nội dung trong giấy vay tiền là do chị H đánh bà, ép bà viết, ngày viết là 10/11/2017 chứ không phải ngày 10/01/2018 như chị H trình bày. Vì chị H cho người lên dọa dẫm và đánh bà nhiều nên đến ngày 15/3/2018 chị H bảo bà gọi người đến để làm chứng việc viết biên bản thỏa thuận trả tiền hàng tháng tại gia đình nhà bà, vì bà đã viết giấy vay tiền nên bà mới phải trả. Những người làm chứng trong biên bản thỏa thuận là ông T, ông H do bà là người gọi đến để chứng kiến việc viết biên bản thỏa thuận hàng tháng chứ không chứng kiến việc chị H đưa tiền mặt cho bà. Biên bản thỏa thuận ngày 15/3/2018 do bà là người trực tiếp viết và ký biên bản cùng bên vay là chị H và những người làm chứng là ông T, ông H ký vào biên bản. Sau khi viết biên bản thỏa thuận thì bà có trả cho chị H làm nhiều lần, tổng số tiền bà đã trả cho chị H là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).

Nay chị H khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 394.000.000đ (Ba trăm chín mươi tư triệu đồng) bà không nhất trí, bà xác định không được vay tiền thì

không có trách nhiệm phải trả cho chị H.

Tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa của người làm chứng anh Hoàng Minh Th trình bày: Ngày 10/01/2018 anh có cho chị H vay tiền và chị H nói để cho bà S ở xóm Thuận Pháp vay. Anh cùng chị H đến nhà bà S, anh được chứng kiến việc hai người cho nhau vay tiền và bà S là người viết giấy vay tiền, hẹn 01 tháng thì trả, nếu không trả được thì phải trả cho chị H 300m² đất.

Tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa của người làm chứng là ông Dương Văn T trình bày: vào 8h sáng ngày 15/3/2018 ông được bà S và chị H mời đến nhà bà S để chứng kiến việc thỏa thuận trả tiền giữa bà S với chị H, vì ông là trưởng xóm. Khi đến nhà bà S ông được chứng kiến bà S là người viết biên bản thỏa thuận, xác nhận số nợ 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), tại buổi hôm đó bà S trả cho chị H 10.000.000đ, có thỏa thuận mỗi tháng trả 4.000.000đ nhưng sau đó chị S có tháng trả nhiều có tháng trả ít nên nảy sinh mâu thuẫn.

Tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa của người làm chứng là ông Nguyễn Mạnh H trình bày: ngày 15/3/2018 ông có được em gái là bà Nguyễn Thị S gọi đến nhà để chứng kiến việc lập biên bản thỏa thuận trả tiền hàng tháng cho chị H, bà S có nợ chị H số tiền 430.000.000đ và tại ngày hôm đó bà S trả cho chị H 10.000.000đ, biên bản thỏa thuận do bà S viết, có ông và ông T trưởng xóm ký vào biên bản.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cho tiến hành đối chất giữa hai bên đương sự với người làm chứng. Tòa án tiến hành hoà giải nhiều lần xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Phú Bình phát biểu ý kiến xác định, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho chị Dương Thị H số tiền vay gốc là 394.000.000đ (Ba trăm chín mươi tư triệu đồng chẵn); Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Về giấy vay tiền tiền đề ngày 10/01/2018 thể hiện bà S có vay của chị H số tiền 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), thời hạn trả ngày 15/02/2018, không thỏa thuận lãi suất, người viết giấy là bà Nguyễn Thị S,

bà S ký bên người vay tiền, anh Th ký người làm chứng. Bà S cho rằng ngày viết thỏa thuận là ngày 10/11/2017 chứ không phải ngày 10/01/2018. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà S đều thừa nhận và xác định giấy vay tiền do bà là người trực tiếp viết và ký nhận bên vay, trong giấy vay tiền bản gốc không có việc tẩy xóa, viết thêm vào. Về Biên bản thỏa thuận đề ngày 15/3/2018 thể hiện bà S có nợ chị H 430.000.000đ, ngày 15/3/2018 bà S đã trả cho chị H số tiền 10.000.000đ và thỏa thuận trả số tiền còn nợ lại là 4.000.000đ/tháng vào ngày 15 hàng tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà S có viết giấy vay của chị H số tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) vào ngày 10/01/2018 và biên bản thỏa thuận ngày 15/03/2018 là có thật vì đã được các bên đã thừa nhận, bà S là người trực tiếp viết và ký nhận bên vay. Tuy nhiên bà S cho rằng bà không được vay số tiền đó mà số tiền đó là tiền bà ghi đề, chị H là chủ đề và số tiền bà ghi đề bao nhiêu thì bà không nhớ và bà bị đánh đập, ép buộc phải viết giấy vay tiền. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc chị H cho ghi đề và việc đánh đập ép buộc bà viết giấy vay tiền. Mặt khác Tòa án đã có văn bản số 1144/2019/CV-TA ngày 23/9/2019 về việc chuyển tài liệu đề nghị xem xét theo quy định gửi Công an huyện Phú Bình để làm rõ sự việc theo trình bày của bà S. Tại Công văn số 2252 ngày 07/10/2019 của Công an huyện Phú Bình đã trả lời không đủ căn cứ xác định có sự việc đánh bạc (bằng hình thức ghi số lô, số đề) giữa chị S và chị H. Ngoài ra người làm chứng là anh Th xác định bà S là người trực tiếp vay tiền của chị H, vay bằng tiền mặt, anh là người trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền và viết giấy vay tiền giữa hai bên. Tòa án đã cho tiến hành đối chất giữa các bên để làm rõ, tại phiên đối chất các bên vẫn giữ nguyên quan điểm.

Bà S cho rằng bà bị đánh đập, ép viết giấy vay tiền, nhưng tại biên bản thỏa thuận ngày 15/3/2018 bà vẫn xác định còn nợ tổng số tiền 430.000.000đ, ngày hôm đó bà đã trả chị H 10.000.000đ, có người làm chứng là ông Tôn làm trưởng xóm, ông Hợp là anh trai của bà, những người này đều do bà là người trực tiếp gọi đến để làm chứng và những người làm chứng đều công nhận việc bà viết biên bản thỏa thuận và có trả tiền cho chị H như trong nội dung biên bản thỏa thuận. Sau khi có biên bản thỏa thuận trả tiền hàng tháng bà vẫn tiếp tục trả tiền cho chị H theo thỏa thuận.

Do đó lời trình bày của bà S cho rằng số tiền đó là tiền bà ghi đề và bà bị đánh đập, ép viết giấy vay tiền, viết biên bản thỏa thuận là không có căn cứ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Dương Thị H, buộc bà Nguyễn Thị S phải trả số tiền 394.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giấy vay tiền ngày 10/01/2018 và Biên bản thỏa thuận ngày 15/3/2018 xác định tổng số tiền vay là 430.000.000đ có chữ ký của các bên và người làm chứng. Đối với số tiền đã trả, cả chị H và bà S đều xác định tổng số tiền bà S đã trả được cho chị H là 36.000.000đ, nên yêu cầu của chị H buộc bà S trả số tiền còn nợ lại là 394.000.000đ (ba trăm chín mươi tư triệu) là có căn cứ và phù hợp với Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận.

[3]Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết chị H không yêu cầu bà S phải trả lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ.

[5]Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H được chấp nhận nên bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước.

[6]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí; Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị H về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S.

2. Buộc bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả cho chị Dương Thị H số tiền : 394.000.000đ (Ba trăm chín mươi tư triệu đồng).

Về lãi suất: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị S phải chịu 19.700.000đồng (Mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả chị Dương Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.850.000đồng (Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000742 ngày 25/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Châm Thị Vân Khánh